



BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH NINH THUẬN
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN



ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 2017

ĐỀ TÀI:

**KHẢO SÁT TÌNH HÌNH KHÁNG
KHÁNG SINH CỦA CÁC DÒNG VI
KHUẨN THƯỜNG GẶP TẠI BỆNH VIỆN
NINH THUẬN TỪ 03/2017 ĐẾN 10/2017**

Chủ nhiệm đề tài : ThS. Nguyễn Vĩnh Nghi
Thành viên khác : ThS. Trương Văn Hội
CN. Nguyễn Văn Hồng
DS. Nguyễn Đông
ĐD. Nguyễn Thị Thu Thảo

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Các bệnh viện khác nhau sẽ có mô hình VKKKS khác nhau, trong cùng bệnh viện các khoa khác nhau sẽ mô hình VKKKS khác nhau. Thậm chí trong cùng một khoa, mô hình VKKKS cũng sẽ thay đổi theo thời gian.
- Trước tình hình vi khuẩn KKS ngày càng phổ biến, thì việc nghiên cứu tình hình KKS là việc làm cần thiết qua đó góp phần giúp các bác sỹ làm việc trong bệnh viện dễ dàng lựa chọn được thuốc KS còn có tác dụng cho các bệnh nhân bị nhiễm trùng bệnh viện. Vì vậy, chúng tôi tiến hành đề tài này nhằm mục tiêu:

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

❖ MỤC TIÊU TỔNG QUÁT:

Khảo sát tình hình kháng kháng sinh của các dòng vi khuẩn gây bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận từ 03/2017 đến 10/2017.

❖ MỤC TIÊU CHUYÊN BIỆT:

- Xác định tỷ lệ các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận.
- Xác định tỷ lệ kháng kháng sinh của các vi khuẩn thường gặp.

ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU:

Tất cả các chủng vi khuẩn phân lập được từ tất cả các loại bệnh phẩm của bệnh nhân khám và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận.

ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN NGHIÊN CỨU

- Địa điểm nghiên cứu

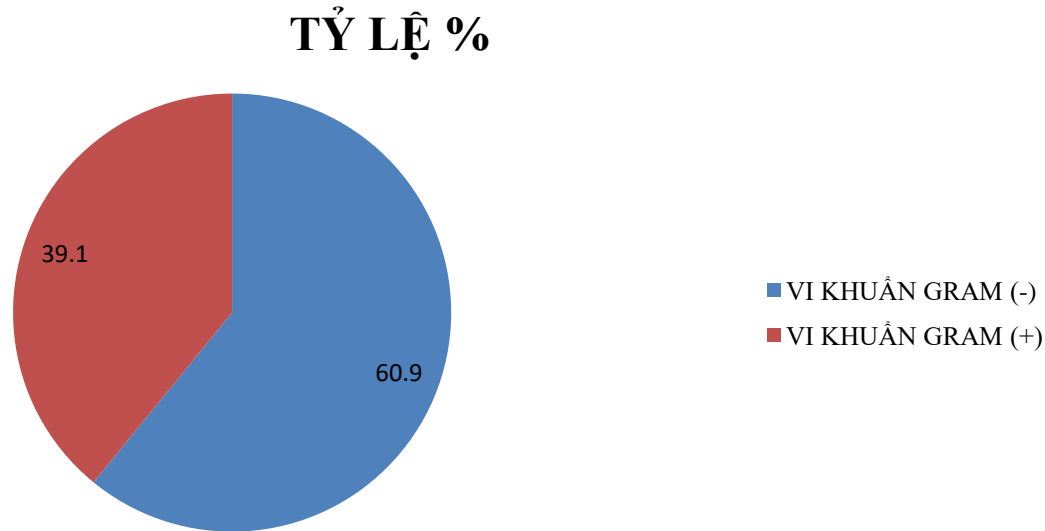
Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn - Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận.

- Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 03/2017 đến tháng 10/2017.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Tỷ lệ các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp tại Bệnh viện Ninh Thuận
Tổng số vi khuẩn phân lập được 2017:**



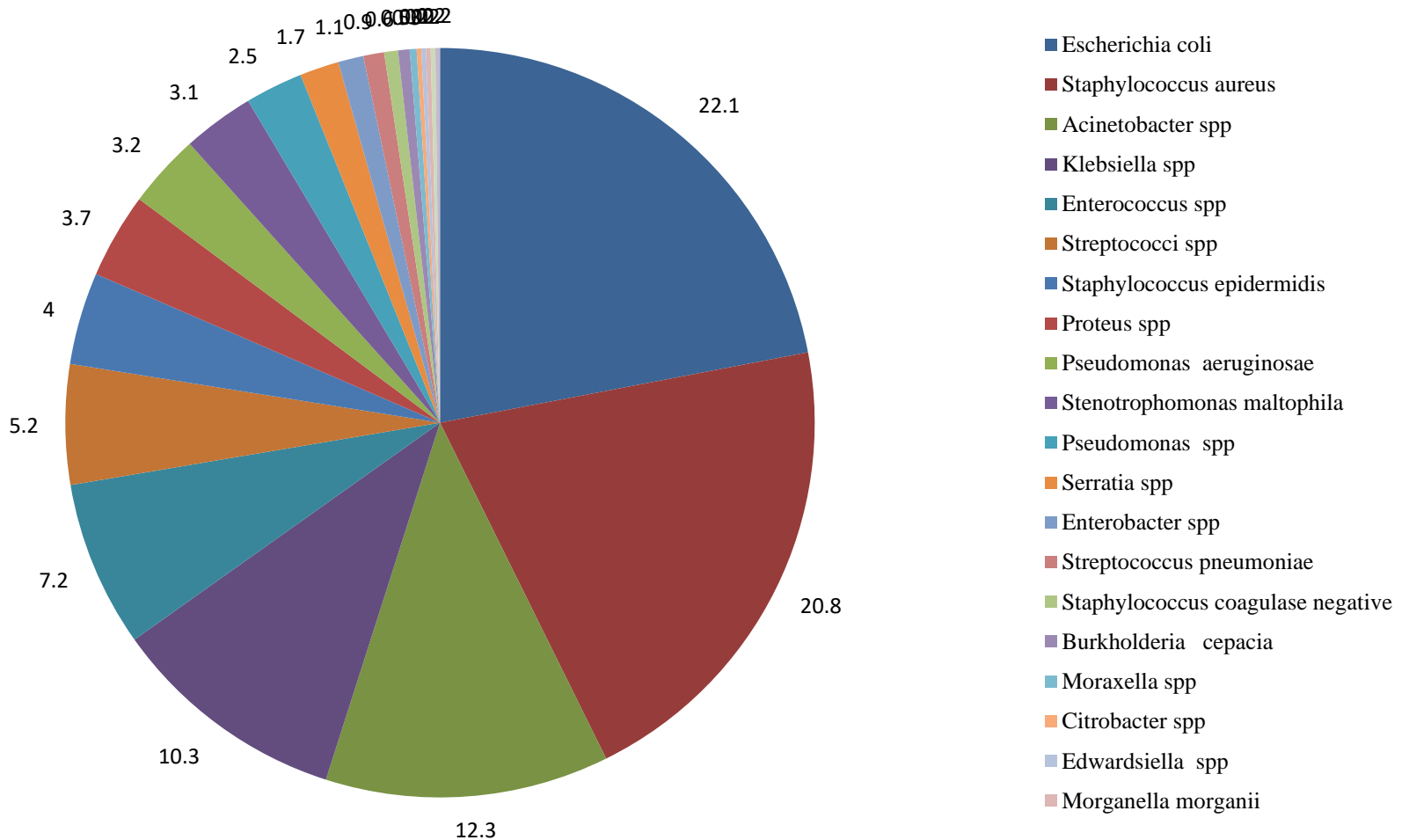
Theo khảo sát tỷ lệ đề kháng kháng sinh của vi khuẩn phân lập tại bệnh viện cấp cứu Trung Vương của Chu Thị Hải Yến năm 2014 thì có 2.475 mẫu kết quả định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ thu thập từ 1.165 bệnh nhân được khảo sát, trong đó vi khuẩn gram âm gấp 3,3 lần vi khuẩn gram dương.

Như vậy, số vi khuẩn gram âm có trong các loại bệnh phẩm gây bệnh thường gặp cho bệnh nhân là chiếm đa số.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Tỷ lệ các loại vi khuẩn phân lập được từ tất cả các loại bệnh phẩm

TỶ LỆ %



KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Tỷ lệ kháng kháng sinh (KKS) của một số vi khuẩn thường gặp phân lập được

1. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Escherichia coli* (n=144)

Bảng 1. Tỷ lệ KKS của *Escherichia coli*

STT	KHÁNG SINH	N	R	TỶ LỆ %
1	Ampicilin	136	136	100
2	Bactrim	124	115	92,7
3	Nalidixic acid	118	108	91,5
4	Tetracycline	130	110	84,6
5	Ciprofloxacin	143	104	72,7
6	Cefuroxime	136	102	75,0
7	Levofloxacin	138	101	73,2
8	Ceftriaxone	143	103	72,0
9	Cefotaxim	143	103	72,0
10	Ceftazidime	142	97	68,3
11	Tobramycin	142	82	57,7
12	Gentamycin	143	74	51,7
13	Cefepime	141	68	48,2
14	Netilmycin	55	17	30,9
15	Ampicilin-Sulbactam	141	47	33,3
16	Piperracillin-Tazobactam	142	20	14,1
17	Amikacin	144	02	1,4
18	Imipenem	144	01	0,7

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

2. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Staphylococcus aureus* (n=136)

Bảng 2. Tỷ lệ KKS của *Staphylococcus aureus*

STT	KHÁNG SINH	N	R	TỶ LỆ %
1	Penicillin	135	135	100,0
2	Erythromycin	136	127	93,4
3	Clindamycin	136	126	92,6
4	Azithromycin	136	125	91,9
5	Bactrim	102	89	87,3
6	Cefoxitin	98	79	80,6
7	Oxacillin	136	100	73,5
8	Tetracycline	121	78	64,5
9	Tobramycin	100	52	52,0
10	Gentamycin	134	63	47,0
11	Doxycycline	134	59	44,0
12	Ciprofloxacin	91	34	37,4
13	Levofloxacin	136	44	32,4
14	Netilmycin	67	4	6,0
15	Teicoplanin	113	1	0,9
16	Linezolid	135	1	0,7
17	Vancomycin*		00	0,0

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN

3. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Acinetobacter* spp (n=80)

Bảng 3. Tỷ lệ KKS của *Acinetobacter* spp

STT	KHÁNG SINH	N	R	TỈ LỆ %
1	Bactrim	77	63	81,8
2	Cefotaxime	80	63	78,8
3	Ceftriaxone	80	65	81,3
4	Ceftazidime	62	49	79,0
5	Imipenem	79	56	70,9
6	Ciprofloxacin	73	53	72,6
7	Gentamycin	80	60	75,0
8	Levofloxacin	59	40	67,8
9	Cefepime	77	57	74,0
10	Tetracycline	30	21	70,0
11	Ampicilin-Sulbactam	80	43	53,8
12	Piperracillin-Tazobactam	78	41	52,6
13	Amikacin	80	41	51,3
14	Doxycycline	55	10	18,2

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN

4. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Klebsiella* spp (n=67)

Bảng 4. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Klebsiella* spp

STT	KHÁNG SINH	N	R	TỶ LỆ %
1	Ampicilin	61	61	100.0
2	Bactrim	62	56	90.3
3	Tetracycline	59	51	86.4
4	Cefuroxime	67	48	71.6
5	Ceftriaxone	61	42	68.9
6	Cefotaxim	66	43	65.2
7	Ceftazidime	67	43	64.2
8	Nalidixic acid	47	30	63.8
9	Levofloxacin	53	26	49.1
10	Ciprofloxacin	65	30	46.2
11	Tobramycin	67	30	44.8
12	Ampicilin-Sulbactam	63	28	44.4
13	Gentamycin	67	28	41.8
14	Cefepime	66	26	39.4
15	Piperracillin-Tazobactam	64	12	18.8
16	Amikacin	67	06	9.0
17	Imipenem	67	04	6.0

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN

5. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Enterococcus* spp (n=47)

Bảng 5.Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Enterococcus* spp

STT	KHÁNG SINH	N	R	TỈ LỆ %
1	Tetracycline	31	22	71.0
2	Ciprofloxacin	45	21	46.7
3	Levofloxacin	42	16	38.1
4	Penicillin G	45	6	13.3
5	Ampicillin	42	04	9.5
6	Vancomycin	47	03	6.4
7	Linezolid	47	00	0.0
8	Teicoplanin	34	00	0.0

N: Số đĩa kháng sinh được đặt.

R: Số đĩa kháng sinh bị kháng

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN

6. Tỷ lệ đề kháng kháng sinh của *Streptococci* spp (n=34)

Bảng 6. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Streptococci* spp

STT	KHÁNG SINH	N	R	TỈ LỆ %
1	Erythromycin	33	27	81,8
2	Clindamycin	32	22	68,8
3	Ceftriaxone	25	07	28,0
4	Cefotaxim	28	05	17,9
5	Cefepime	27	03	11,1
6	Vancomycin	33	01	3,0
7	Linezolid	33	00	0,0

N: Số đĩa kháng sinh được đặt.

R: Số đĩa kháng sinh bị kháng

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN

7. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Staphylococcus epidermidis* (n=26)

Bảng 7. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Staphylococcus epidermidis*

STT	KHÁNG SINH	N	R	TỶ LỆ %
1	Bactrim	26	26	100
2	Penicillin	26	25	96,2
3	Erythromycin	26	21	80,8
4	Azithromycin	25	20	80,0
5	Gentamycin	24	16	66,7
6	Tobramycin	11	07	63,6
7	Clindamycin	26	14	53,8
8	Tetracycline	24	13	54,2
9	Oxacillin	26	11	42,3
10	Doxycycline	26	08	30,8
11	Ciprofloxacin	17	06	35,3
12	Levofloxacin	26	08	30,8
13	Cefoxitin	19	6	31,6
14	Netilmycin	22	01	4,5
15	Teicoplanin	15	00	0,0
16	Linezolid	26	00	0,0
17	Vancomycin*		00	0,0

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN

8. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Proteus* spp (n=24)

Bảng 8. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Proteus* spp

STT	KHÁNG SINH	N	R	TỶ LỆ %
1	Ampicilin	22	22	100
2	Nalidixic acid	22	20	90,9
3	Bactrim	21	20	95,2
4	Tetracycline	21	19	90,5
5	Tobramycin	24	17	70,8
6	Gentamycin	24	16	66,7
7	Ciprofloxacin	24	12	50,0
8	Netilmycin	14	07	50,0
9	Levofloxacin	20	07	35,0
10	Cefotaxim	24	05	20,8
11	Ampicilin-Sulbactam	23	05	21,7
12	Cefuroxime	23	06	26,1
13	Ceftriaxone	24	04	16,7
14	Ceftazidime	24	03	12,5
15	Cefepime	23	02	8,7
16	Imipenem	23	03	13,0
17	Piperracillin-Tazobactam	23	00	0,0
18	Amikacin	24	00	0,0

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN

9. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Pseudomonas aeruginosae* (n=21)

Bảng 9. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Pseudomonas aeruginosae*

STT	KHÁNG SINH	N	R	TỈ LỆ %
1	Ampicilin-Sulbactam	13	10	76,9
2	Cefotaxime	15	07	46,7
3	Ceftriaxone	13	06	46,2
4	Levofloxacin	15	05	33,3
5	Ciprofloxacin	21	06	28,6
6	Imipenem	20	04	20,0
7	Cefepime	20	04	20,0
8	Gentamycin	21	04	19,0
9	Ceftazidime	17	01	5,9
10	Amikacin	21	01	4,8
11	Piperracillin-Tazobactam	21	00	0,0

N: Số đĩa kháng sinh được đặt.

R: Số đĩa kháng sinh bị kháng

KẾT QUẢ & BÀN LUẬN

10. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Stenotrophomonas maltophila*

Bảng 10. Tỷ lệ kháng kháng sinh của *Stenotrophomonas maltophila*

STT	KHÁNG SINH	N	R	TỶ LỆ %
1	Ampicilin	19	19	100
2	Cefuroxime	15	13	86,7
3	Bactrim	18	14	77,8
4	Tetracycline	14	11	78,6
5	Cefotaxim	19	14	73,7
6	Ceftriaxone	20	15	75,0
7	Imipenem	20	14	70,0
8	Ceftazidime	19	11	57,9
9	Tobramycin	16	07	43,8
10	Nalidixic acid	27	08	47,1
11	Ampicilin-Sulbactam	15	05	33,3
12	Gentamycin	20	07	35,0
13	Cefepime	16	05	31,3
14	Amikacin	20	04	20,0
15	Levofloxacin	17	01	5,9
16	Ciprofloxacin	20	02	10,0
17	Netilmycin	11	01	9,1
18	Piperracillin-Tazobactam	16	01	6,3

N: Số đĩa kháng sinh được đặt.

R: Số đĩa kháng sinh bị kháng

KẾT LUẬN

Kết luận tỷ lệ các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp tại Bệnh viện Ninh Thuận.

- Số vi khuẩn thuộc nhóm Gram âm phân lập được chiếm tỷ lệ 60,9%.
- Tổng số chủng *Escherichia coli* phân lập chiếm tỷ lệ cao nhất là 22,1%.

KẾT LUẬN

Kết luận về tình hình KKS của các VK thường gặp.

- *Escherichia coli* đề kháng 100% với Ampicilin, Bactrim (92,7%), Nalidixic acid (91,5%).
- *Staphylococcus aureus* đề kháng 100% với Penicillin, Erythromycin (93,4%), Clindamycin (92,6%), Azithromycin (91,9%).
- *Acinetobacter* spp đề kháng với Bactrim (81,8%), Ceftriaxone (81,3%).
- *Klebsiella* spp đề kháng 100% với Ampicilin, đề kháng Bactrim (90.3%).
- *Enterococcus* spp đề kháng Tetracycline (71.0%).

KẾT LUẬN

Kết luận về tình hình KKS của các VK thường gặp.

- *Streptococci* spp đề kháng Erythromycin (81,8%).
- *Staphylococcus epidermidis* đề kháng Bactrim (100%), Penicillin (96,2%).
- *Proteus* spp đề kháng Ampicilin (100%), Nalidixic acid (90,9%), Bactrim (95,2%), Tetracycline (90,5%),
- *Pseudomonas aeruginosae* đề kháng Ampicilin-Sulbactam (76,9%).
- *Stenotrophomonas maltophila* đề kháng Ampicilin (100%).

KHUYẾN NGHỊ

Vi khuẩn gram âm là tác nhân thường gặp nhất trong Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận. Chỉ còn một số ít loại kháng sinh hiệu quả cho điều trị, do vậy chiến lược kiểm soát và sử dụng kháng sinh hợp lý dựa theo kháng sinh đồ là hết sức cần thiết để hạn chế tốc độ kháng thuốc hiện nay.

Thank you!

